

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 05/NH-QĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 7 tháng 1 năm 1991

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy chế cấp giấy phép hoạt động cho các tổ chức tín dụng Việt Nam

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 04/7/1981;

Căn cứ pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước Việt nam và pháp lệnh Ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính theo lệnh số 37/LCT-HĐNN8 và 38-LYC/HĐNN 8 ngày 24-5-1990;

Căn cứ Nghị định số 196/HĐBT ngày 12/11/1989 của Hội đồng Bộ trưởng quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của các Bộ;

Căn cứ quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng tại thông báo số 32/TB ngày 05-11-1990 của Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng và thoả thuận của Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này "Quy chế cấp giấy phép hoạt động cho các tổ chức tín dụng Việt Nam".

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các quy định trước đây về cấp giấy phép hoạt động cho các tổ chức tín dụng Việt Nam nay đều hết hiệu lực.

Điều 3: Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ các ngân hàng và tổ chức tín dụng, các thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng nhà nước Trung ương, giám đốc Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố, đặc khu và các tổ chức tín dụng Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

QUY CHẾ

CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CHO CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

(Ban hành theo Quyết định số 05/NH - QĐ ngày 07 tháng 01 năm 1991

của Thống đốc Ngân hàng nhà nước).

Điều 1: Mọi tổ chức thực hiện các nghiệp vụ của tổ chức tín dụng Việt Nam đều phải có giấy phép hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp.

Điều 2: Các tổ chức tín dụng Việt Nam, dưới đây gọi chung là tổ chức tín dụng, được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép hoạt động theo Quy chế này, bao gồm:

1. Ngân hàng thương mại quốc doanh
2. Ngân hàng thương mại cổ phần
3. Ngân hàng đầu tư và phát triển
4. Hợp tác xã tín dụng
5. Công ty tài chính

Điều 3: Để được xét cấp giấy phép hoạt động, tổ chức tín dụng phải làm đơn (phụ lục số 01) kèm theo các văn bản sau đây gửi Ngân hàng Nhà nước:

- a. Phương án hoạt động: xác định rõ nội dung, phương thức kinh doanh, địa bàn hoạt động, lợi ích đối với nền kinh tế và đối với tổ chức tín dụng. Trong đó, xác định phương án cụ thể trong 3 năm đầu, được chia ra từng năm.
- b. Bản điều lệ xây dựng theo mẫu điều lệ do Ngân hàng Nhà nước ban hành và đã được đại hội cổ đông (hoặc đại hội xã viên) thông qua.
- c. Biên bản đại hội cổ đông (hoặc đại hội xã viên) bầu Hội đồng quản trị và quyết định của Hội đồng quản trị bổ nhiệm người điều hành.
- d. Lý lịch tóm tắt của Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị và người điều hành.
- e. Bản kê khai vốn điều lệ và tài sản hiện có: vốn góp cổ phần của các cổ đông; giá trị bất động sản và phương tiện hoạt động khác thuộc quyền sở hữu của tổ chức tín dụng.
- f. Giấy chứng nhận của chi nhánh Ngân hàng Nhà nước về việc tổ chức tín dụng đã mở tài khoản phong toả và số vốn cổ phần đã gửi vào tài khoản đó.
- g. Văn bản chấp thuận của cấp chính quyền nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở.
- h. Tài liệu khác nhằm làm rõ những vấn đề có liên quan đến hồ sơ nói trên.

Điều 4: Tổ chức tín dụng có đủ các điều kiện quy định dưới đây sẽ được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép hoạt động (phụ lục số 2)

- a. Ngân hàng Nhà nước có kết luận về sự cần thiết của tổ chức tín dụng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trên địa bàn.
- b. Đã có ít nhất 50% vốn điều lệ của các cổ đông và đã gửi số vốn đó vào tài khoản phong toả tại Ngân hàng Nhà nước. Số còn thiếu phải có cam kết bảo đảm góp đủ trước ngày khai trương. Riêng công ty tài chính phải góp đủ 100% vốn điều lệ mới được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép hoạt động.
- c. Có trụ sở phù hợp với quy mô địa bàn và đặc điểm kinh doanh và phải có giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trụ sở đó.
- d. Có cơ sở vững chắc để dự tính số thu nhập, chi phí và lợi nhuận.
- e. Nội dung, hình thức kinh doanh tiền tệ, tín dụng và dịch vụ Ngân hàng đúng pháp luật và theo quy định của Ngân hàng nhà nước.
- f. Người điều hành có năng lực, kinh nghiệm về các lĩnh vực tiền tệ, tín dụng và hoạt động của tổ chức tín dụng. Những người này phải có văn bằng tốt nghiệp đại học về ngân hàng, tài chính hoặc kinh tế (trừ người điều hành hợp tác xã tín dụng ở nông thôn).
- g. Thành viên Hội đồng quản trị và người điều hành tổ chức tín dụng là những người không phạm một trong 4 khoản tại điều 16 Pháp lệnh Ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính và được Thống đốc Ngân hàng nhà nước hoặc người được uỷ quyền chuẩn y.

Điều 5: Thời hạn Ngân hàng Nhà nước xét cấp giấy phép hoạt động và thời hạn tổ chức tín dụng nộp lệ phí cho Ngân hàng Nhà nước.

1. Trong thời hạn 3 tháng, kể từ ngày nhận hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước thẩm tra, xem xét để quyết định cấp hoặc từ chối cấp giấy phép hoạt động và báo cáo cho tổ chức tín dụng biết.
2. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động, tổ chức tín dụng phải nộp lệ phí cho Ngân hàng Nhà nước bằng 0,2% (hai phần nghìn) vốn điều lệ.

Điều 6: Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động, tổ chức tín dụng phải làm thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký ngày khai trương. Trước khi khai trương ít nhất 30 ngày, tổ chức tín dụng phải đăng báo cáo đặc điểm chủ yếu của tổ chức mình, theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.